

Số: /BVSKTTBRVT-KD  
V/v mời chào giá mua sắm vật tư y tế, hóa  
chất xét nghiệm

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

**Kính gửi: Các công ty kinh doanh cung cấp vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm**

Bệnh viện sức khỏe Tâm thần Bà Rịa Vũng Tàu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở xây dựng giá gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện năm 2026-2027. Cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:** Bệnh viện sức khỏe Tâm thần Bà Rịa Vũng Tàu

Địa chỉ: ấp Bình Mỹ, xã Ngãi Giao, Thành Phố Hồ chí Minh

**2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:**

DS.Bành Mạnh Lực – Trưởng khoa Dược – XN-CDHA

- Điện thoại: 0918126430

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá:** Trực tiếp hoặc qua email.

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện sức khỏe Tâm thần Bà Rịa Vũng Tàu.

Địa chỉ: ấp Bình Mỹ, xã Ngãi Giao, Thành Phố Hồ chí Minh.

Nhận qua email: [khoaduocbvttinhbrvt@gmail.com](mailto:khoaduocbvttinhbrvt@gmail.com) (bản chào giá đã ký đóng dấu người đại diện hợp pháp, tài liệu kỹ thuật kèm theo file mềm word/excel bản chào giá, bản dịch tóm tắt tài liệu kỹ thuật...).

**2. 4. Thời gian nhận báo giá:**

Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bệnh viện Sức khỏe Tâm Thần Bà Rịa- Vũng Tàu. Các nhà thầu có thể xem các thông tin và tài liệu liên quan đến mời báo giá *truy cập trang thông tin điện tử của Bệnh viện Tâm thần (<http://bvtamthan-brvt.health.vn/>) Mục thông báo mời thầu*". Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Hiệu lực của báo giá: tối Thiểu 120 ngày từ ngày nhận được báo giá.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Phụ Lục 1: Danh mục vật tư y tế , hóa chất xét nghiệm (đính kèm).

2. Phụ Lục 2: Mẫu báo giá hàng hóa (theo Phụ lục đính kèm).

Rất mong sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty/ Đơn vị./.

Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Bà Rịa Vũng Tàu trân trọng thông báo để các đơn vị được biết./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo BV;
- Lưu: VT, KD (BML 01).

**GIÁM ĐỐC**

  
**Hồ Lộc**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA**

Kèm theo CV số /BVSKTTBRVT – KD, ngày / /2026 của Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần BRVT

**I. Vật tư y tế**

ST T	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	băng keo lụa	<ul style="list-style-type: none"><li>- Là băng keo lụa nền đan dệt ít gây kích ứng, keo có độ dính lâu dài, dính chắc trong tất cả các trường hợp</li><li>- Phần nền bằng vải lụa: Mềm mịn, có độ bền và chắc chắn cao, thân thiện với môi trường và an toàn cho người sử dụng.</li><li>- Lớp keo: Sử dụng keo kẽm oxit không dung môi tạo độ cứng, có độ bám dính lâu dài.</li></ul> Kích thước: 5cm x 5m	Cuộn	30
2	Băng keo nhiệt	<ul style="list-style-type: none"><li>- Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn bằng hơi nước 24mm x 55m</li><li>- Không chứa cao su tự nhiên</li><li>- Độ dính tốt, đáng tin cậy</li><li>- Mực không chứa Chì, không phải rác nguy hại</li></ul>	Cuộn	20
3	Băng thun 3 móc	- Băng thun cuộn 7,5cm x 4,5m	Cuộn	10
4	Bộ dây điện cực máy đo lưu huyết não máy Vasoscreen 500	- Bộ dây điện cực máy đo lưu huyết não tích hợp với thiết bị hiện hữu	Bộ	02
5	Bộ dây đo điện não	- Bộ dây đo điện não tích hợp với máy NIHONKOHOEN	Bộ	01
6	Bộ điện cực máy đo điện não (điện cực cầu)	Bộ điện cực máy đo điện não tích hợp với máy NIHONKOHOEN	Bộ	01
7	Bộ dây cáp máy đo điện tim	tích hợp với máy NIHONKOHOEN	Bộ	2
8	Bộ rửa dạ dày người lớn	PVC y tế hoặc Silicone cao cấp	Bộ	2
9	Chi Nilon + kim tam giác 3.0	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 20 mm</li><li>- Sợi CARELON tròn đều, co giãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Lực căng khi thắt nút cao. Kim thép không gỉ series 300 phủ silicon (đối với chi liền kim). Thao tác thuận lợi, xuyên qua mô dễ dàng. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô</li></ul>	Tép	10

10	Cồn 70 độ 500ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nồng độ cồn 70%</li> <li>- Chai 500ml</li> </ul>	Chai	150
11	Cồn 90 độ 500ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nồng độ cồn 90%</li> <li>- Chai 500ml</li> </ul>	Chai	100
12	Dây thở o xy 2 nhánh lớn	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được sử dụng cho bệnh nhân có lưu lượng oxy thấp.</li> <li>• Dùng cho bệnh nhân khó khăn trong hô hấp như khí phế thũng hoặc bệnh lý phổi.</li> <li>• Tốc độ dòng chảy cho các ống khoảng 0.5-4 lít mỗi phút.</li> <li>• Chiều dài: 2m</li> <li>• Đóng gói riêng biệt, tiệt trùng.</li> <li>• Nguyên liệu nhựa y tế, bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét.</li> </ul>	Sợi	10
13	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh tốc độ truyền ổn định, có thể cài đặt tốc độ truyền từ 5ml/h-250ml/h, có khoá chặn dòng. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5$ ml. Độ dài dây dẫn $\geq 1500$ mm.	Sợi	100
14	Cuvet (đĩa 96 giếng)	Hộp 320 strips	Hộp	2
15	Gạc y tế 10cm x 10cm x 8 lớp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước ,</li> <li>Quy cách: 10cm x 10cm x 8 lớp, Loại: tiệt trùng (bằng khí EO)</li> <li>- Quy cách: 10 miếng / Gói</li> </ul>	Gói	150
16	Giấy đo điện tim 63*30	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 63mm x 30m.</li> <li>- Dạng cuộn</li> <li>- Màu sắc: Màu trắng Giấy điện tim</li> </ul> <p>3 cần sử dụng cho máy điện tim 3 cần.</p>	Cuộn	50
17	Găng tay chưa tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao.</li> <li>- Loại có bột: dùng cho cả 2 tay; bề mặt trơn hoặc nhám; xe viền cổ tay; màu trắng tự nhiên, sử dụng bột bắp biến tính được chấp thuận bởi FDA, loại USP.</li> <li>- Chiều dài (mm): 240 min</li> <li>- Độ dày (mm): 0,1 min</li> </ul>	Đôi	15000
18	Giấy in huyết học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy có bề mặt nhạy nhiệt, in rõ nét</li> <li>- Sử dụng tương tích cho máy xét nghiệm huyết học</li> </ul>	Cuộn	20
19	Gel siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông số kỹ thuật:</li> <li>- Dạng gel bôi ngoài da, dùng hỗ trợ trong quá trình siêu âm</li> </ul>	can	10
20	Gòn 100gram	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên liệu: 100% bông xơ thiên nhiên, được xử lý giúp bông mịn, dai, không xơ bông trên bề mặt, thân thiện với môi trường</li> <li>- Khả năng thấm hút tốt, bông mềm mịn</li> <li>- Bông trắng sạch</li> <li>- Đóng gói: 100g/ Bịch</li> </ul>	Bịch	30
21	Gòn thấm 1 kg	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyên liệu: 100% bông xơ thiên nhiên, được xử lý giúp bông mịn, dai, không xơ bông trên bề mặt, thân thiện với môi trường</li> <li>- Khả năng thấm hút tốt, bông mềm mịn</li> <li>- Bông trắng sạch</li> </ul>	Kg	5

		- Đóng gói: 1kg/ Bịch		
22	Gòn viên 100gr	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% bông xơ thiên nhiên, được xử lý giúp bông mịn, dai, không xơ bông trên bề mặt, thân thiện với môi trường</li> <li>- Được quán thành viên với nhiều kích thước và hình dạng khác nhau</li> <li>- Khả năng thấm hút tốt, bông mềm mịn</li> <li>- Kích thước: đường kính 2cm, 3cm,...</li> <li>- Đóng gói: 100g/ Bịch</li> </ul>	Gói	200
23	Khẩu trang giấy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khẩu trang dày, có 3 lớp (lớp ngoài màu xanh, lớp giữa màu trắng là giấy lọc có tính lọc khuẩn cao, lớp trong màu trắng). Chất liệu: vải không dệt Poly Propylene PP.</li> <li>- Mặt ngoài khẩu trang có 3 nếp gấp, trên khẩu trang có in logo 4U-med.</li> <li>- Có nếp mũi (thanh nếp mũi bằng kim loại có thể điều chỉnh phù hợp với người sử dụng; khi sử dụng nhờ có thanh nếp mũi nên cố định khẩu trang không xô dịch trong quá trình sử dụng sản phẩm).</li> <li>- Có dây chun đeo tai ở hai bên.</li> <li>- Hiệu quả cực tốt trong việc ngăn ngừa bụi, vi khuẩn.</li> <li>- Nguyên liệu tinh khiết, không chứa nguyên tố độc hại.</li> <li>- Thoáng mát, dễ chịu, không gây dị ứng da.</li> <li>- Thanh tựa mũi giúp khẩu trang đúng vị trí và tạo độ kín.</li> <li>- Thiết kế 3 lớp, ôm sát mũi miệng.</li> <li>- Quy cách: 50 cái/ Hộp</li> </ul>	Cái	60.000
24	Kim luồn 22G	<p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính lớn cho tốc độ dòng chảy tang và giảm sản vỏ lại.</li> <li>- Kim có lớp Siliconized cho sự thâm nhập mô dễ dàng.</li> <li>- Bồng thông trong suốt dễ dàng nhìn thấy dòng máu.</li> <li>- Dùng một lần, vô trùng và không gây sốt</li> </ul>	Cái	100
25	Mặt nạ thở oxy người lớn	- Nhựa PVC y tế	Cái	10
26	Miếng dán điện cực tim	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu xốp bảo vệ điện cực và gel từ các chất tẩy rửa phẫu thuật.</li> <li>- Gel rắn dính nhanh chóng và giúp ghi tín hiệu tốt trên bề mặt da.</li> <li>- Tất cả điện cực dán đều có lớp tiếp xúc chất lượng cao Ag/AgCl.</li> <li>- Dùng một lần, đã bôi gel, không nhựa mũ, không PVC, không vô trùng</li> <li>- Quy cách: Gói/ 30 cái</li> </ul>	Gói	200
27	Nước cất 5ml	- Thành phần chính là nước cất pha tiêm được dùng để hòa tan các thuốc tiêm dạng bột hay pha loãng chế phẩm thuốc tiêm trước khi sử dụng	Óng	100

28	Ống đặt nội khí quản số 8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Được làm từ PVC không độc hại, trong suốt mềm mại và mịn màng / với vòng bít</li> <li>- Vòng áp suất cao cung cấp dấu hiệu bức xạ khí quản tích cực, có bóng</li> </ul>	Sợi	20
29	ống EDTA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống nghiệm lấy máu EDTA</li> </ul>	Ống	5000
30	ống nghiệm trong có nắp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng pha hóa chất</li> </ul>	Ống	500
31	Ống hút đàm nhớt 14F	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại: không khóa</li> <li>- Bao gồm ống mềm y tế bằng nhựa và 1 kết nối ngón tay điều khiển. Đầu xa được mịn màng và làm tròn với 2 mắt không đối lập cho bệnh nhân thoải mái.</li> <li>- Chức năng: để sử dụng trong đường hô hấp, thông hút đàm nhớt, sử dụng 1 lần duy nhất.</li> <li>- Mịn satin dễ dàng đi qua mà không cần bôi trơn thông qua ống nội khí quản và ít khó chịu cho bệnh nhân.</li> <li>- Size: 8, 10, 12, 14, 16, 18</li> </ul>	Sợi	20
32	Que thử đường huyết nhanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Que thử đường phù hợp cho máy One call EZ 2</li> <li>- Hộp: 25 Que</li> </ul>	Hộp	40
33	Test định tính nhóm các chất gây nghiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu.</li> <li>- Ngưỡng phát hiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Morphine: 300 ng/ml</li> <li>• Amphetamine: 1000 ng/ml</li> <li>• Methamphetamine: 500 ng/ml</li> <li>• THC: 50 ng/ml</li> </ul> </li> <li>- Độ nhạy: 99,8%</li> <li>- Độ đặc hiệu: 99,6%</li> <li>- Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C</li> <li>- Quy cách: 15 Test/ Hộp</li> </ul>	Test	900
34	Test HIV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quick Test HIV 1&amp;2 (Card)</li> </ul>	Test	50
35	Viên khử khuẩn presept	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Natri Troclosene (Natri Dichloroisocyanurate) 50% (kl/kl)</li> </ul>	Viên	200
36	Phim X -Quang 20 x 25 cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ: Công in ảnh kỹ thuật số trực tiếp</li> <li>- Thành phần: PET dày 168µm, phủ muối bạc và lớp chống trầy xước và chống ẩm <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mật độ quang học tối đa: <math>\geq 3.1</math></li> <li>- Môi trường làm việc: Thân thiện với môi trường làm việc, thay phim dưới ánh sáng môi trường làm việc bình thường, phim không bị hư khi ánh sáng lọt vào, có thể lấy từ phim ra khỏi khay phim mà không bị hư. Không có mùi hôi</li> <li>- Bảo vệ môi trường: đóng gói đơn giản, bao bì có thể tái sử dụng hoàn toàn</li> </ul> </li> <li>- Nhiệt độ bảo quản trước khi sử dụng: 4 - 25 độ C</li> <li>- Độ ẩm bảo quản trước khi sử dụng: 30 - 60%</li> <li>- Bảo quản sau khi sử dụng: đạt tiêu chuẩn ANSI</li> </ul>	Tấm	1.000

		IT 9.11 and IT 9.19 - Kích thước phim: 20 x 25 cm (8 x 10 inch) - Ứng dụng: In phim X-quang tổng quát, X-quang nhũ ảnh, CT, MRI, Siêu âm		
--	--	--	--	--

## II. Hóa chất Xét nghiệm

STT	Danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng						
1	Hóa chất ly giải chạy máy huyết học	<b>Thành phần</b> Cationic surfactant 8.0g/L g/L (4.4%); chất hoạt động bề mặt không ion (8%) ; sodium chloride 4.4 1.0g/L (1%); nước (86.6%) Ph: Trong khoảng 9.70±0.50 Bước sóng hấp thụ cực đại: 540nm±10nm Độ chính xác Tế bào Bạch cầu ( WBC): Độ lệch tương đối: ≤0.3×10 <sup>9</sup> /L Hemoglobin ( HGB) : Độ lệch tương đối: ≤2g/L	Chai/500ml	16						
2	Hóa chất pha loãng chạy máy huyết học	<b>Thành phần</b> Sodium chloride 7.5g/L 1.0g/L(1%); borax 0.4g/L(7.5%) (0.4%) ; boric acid ; chất bảo quản 5g/L(5%); nước(86.1%) PH: khoảng 7.20±0.20 Độ dẫn điện: 18.00±0.50mS/cm1 <b>Độ chính xác</b> <b>Bạch cầu (WBC):</b> Độ lệch tương đối: ≤0.3×10 <sup>9</sup> /L <b>Hồng cầu (RBC):</b> Độ lệch tương đối: ≤0.05×10 <sup>12</sup> /L <b>Tiểu cầu (PLT):</b> Độ lệch tương đối: ≤10×10 <sup>9</sup> /L <b>Hemoglobin (HGB):</b> Độ lệch tương đối: ≤2g/L	Bình/20L	16						
3	Hóa chất rửa máy huyết học	<b>Thành phần:</b> Sodium hypochlorite 37g/L(37%); nước (63%) PH: ≥11.00 Độ chính xác <table border="1" data-bbox="456 1402 942 1742"> <tr> <td>Tế bào Bạch cầu ( WBC )</td> <td>Độ lệch tương đối: ≤0.3×10<sup>9</sup>/L</td> </tr> <tr> <td>Tế bào Hồng cầu ( RBC )</td> <td>Độ lệch tương đối: ≤0.05×10<sup>12</sup>/L</td> </tr> <tr> <td>Tiểu cầu ( PLT )</td> <td>Độ lệch tương đối: ≤10×10<sup>9</sup>/L</td> </tr> </table>	Tế bào Bạch cầu ( WBC )	Độ lệch tương đối: ≤0.3×10 <sup>9</sup> /L	Tế bào Hồng cầu ( RBC )	Độ lệch tương đối: ≤0.05×10 <sup>12</sup> /L	Tiểu cầu ( PLT )	Độ lệch tương đối: ≤10×10 <sup>9</sup> /L	Lọ/50ml	3
Tế bào Bạch cầu ( WBC )	Độ lệch tương đối: ≤0.3×10 <sup>9</sup> /L									
Tế bào Hồng cầu ( RBC )	Độ lệch tương đối: ≤0.05×10 <sup>12</sup> /L									
Tiểu cầu ( PLT )	Độ lệch tương đối: ≤10×10 <sup>9</sup> /L									
4	Hóa chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm sinh hóa – ngoại kiểm	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine và eGFR (estimated glomerular filtration rate). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, bảo quản ở nhiệt độ 2-8 oC. Tần suất phân tích: hàng tháng. Cung cấp báo cáo thống kê, giới hạn chấp nhận và chỉ số hiệu	Hộp/ 6 x 5 ml	5						

		suất dưới dạng tệp ".csv". Báo cáo ngoại kiểm cung cấp biểu đồ Điểm Đích giúp đánh giá hiệu xuất của phòng xét nghiệm cho 20 mẫu gần nhất, bao gồm cả chu kỳ trước đó. Có thể đăng ký tối đa 5 thiết bị mà không cần phải trả thêm phí quản lý.		
5	Mẫu nội kiểm huyết học	Hóa chất control huyết học gồm 3 mức ( 1,2,3 )	Bộ/3 x 3ml	4
6	Hóa chất xét nghiệm Urea	Thuốc thử này dùng để định lượng urê (UREA) trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu của người trong ống nghiệm <b>CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH</b> Thuốc thử 1 (R1): Bộ đệm Tris 100mmol/L $\alpha$ -ketoglutaric acid 8mmol/L Glutamate dehydrogenase 1000U/L Thuốc thử 2 (R2): Bộ đệm Tris 100mmol/L Urease 2000U/L NADH 0.8mmol/L	Hộp R1:18ml×4 R2:6ml×4	4
7	Hóa chất xét nghiệm Total cholesterol	Thuốc thử dùng để định lượng in vitro tổng cholesterol (CHO) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Thành phần: Thuốc thử R: - 3- Morpholine-2-hydroxypropanesulfonic acid (MOPSO) buffer (pH7.0) - 50mmol/L - 4- Aminoantipyrine 1.0mmol/L - Cholesterol esterase (CEH) 2000U/L - Cholesterol oxidase (COD) 2000U/L - Peroxidase (POD) 2500U/L - Sodium 3,5-dichloro-2-hydroxybenzenesulfonate (DHBS) 3.5mmol/L Magnesium chloride 2.5mmol/L	Hộp R:20ml×8	5
8	Hóa chất xét nghiệm Trglyceride s - L	Thuốc thử này dùng để xét nghiệm định lượng triglyceride (TG) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. <b>THÀNH PHẦN THUỐC THỬ</b> Thuốc thử R: Tris buffer 100mmol/L Sodium 3,5-dichloro-2-hydroxybenzenesulfonate 2.0mmol/L Adenosine triphosphate (ATP) 0.20mmol/L Magnesium chloride 23mmol/L 4-Aminoantipyrine 1.0mmol/L Glycerol kinase (GK) 1200U/L Lipoprotein esterase (LPL) 2500U/L Peroxidase (POD) 5000U/L Glycerol-3-phosphate oxidase (GPO) 4000U/L	Hộp R:20ml×8	5
9	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid	Thuốc thử này được dùng để định lượng in vitro axit uric (UA) trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu của người. <b>CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH</b> Thuốc thử 1 (R1): Đệm phosphat 100mmol/L 4-Aminoantipyrine 1.2mmol/L POD 10kU/L Thuốc thử 2 (R2):	Hộp R1:20ml×4 R2:5ml×4	2

		Đệm phosphat 100mmol/L TOOS 12.5mmol/L Uricase 1000U/L		
10	Hóa chất xét nghiệm Got	Thuốc thử này dùng để xét nghiệm định lượng aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh hoặc huyết tương của người <b>CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH</b> Reagent 1 (R1): Tris buffer 100mmol/L L-Aspartic Acid 240mmol/L Malate dehydrogenase (MDH) 420U/L Lactate dehydrogenase (LDH) 600U/L Reagent 2 (R2): Tris buffer 100mmol/L L-Aspartic Acid 240mmol/L Malate dehydrogenase (MDH) 420U/L Lactate dehydrogenase (LDH) 600U/L Reduced coenzyme I (NADH) 0.18mmol/L Alpha-ketoglutaric acid 12mmol/L	Hộp R1:20ml×4 R2:5ml×4	8
11	Hóa chất xét nghiệm GPT/ALT	Thuốc thử này dùng để xét nghiệm định lượng alanine aminotransferase (ALT) trong huyết thanh hoặc huyết tương của người <b>CÁC THÀNH PHẦN CHÍNH</b> Reagent 1 (R1): Tris buffer 100mmol/L L-Alanine 500mmol/L Lactate dehydrogenase (LDH) 1200U/L Reagent 2 (R2): Tris buffer 100mmol/L Reduced coenzyme I (NADH) 0.18mmol/L Alpha-ketoglutaric acid 15mmol/L	Hộp R1:20ml×4 R2:5ml×4	8
12	Hóa chất xét nghiệm Creatime	<b>Thành phần thuốc thử</b> <b>R1:</b> Sodium Hydroxide (Natri Hydroxit) – 394 mmol/l <b>R2:</b> Picric Acid (Axit Picric) – 11 mmol/l Các thuốc thử chưa mở nắp ổn định cho đến ngày hết hạn ghi trên nhãn lọ và nhãn hộp khi được bảo quản ở 2–25 °C	Hộp 2x50ml + 2x50ml	2
13	Hóa chất xét nghiệm Glucose	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,... Thuốc thử này dùng để định lượng glucose (GLU) trong huyết thanh hoặc huyết tương người trong ống nghiệm <b>Thành phần:</b> - Thuốc thử R1: - Bộ đệm Tris 80mmol/L - Ghi lại sự hấp thụ A1 giá trị Tính toán - Sử dụng bộ hiệu chuẩn - Vật mẫu ΔA - Ghi lại sự hấp thụ A2 giá trị - Mg 2+ 4mmol/L - Adenosine three phosphate(ATP) 1.7mmol/L - Coenzyme I (NAD <sup>+</sup> ) 1.7mmol/L - Thuốc thử R2: - Bộ đệm Tris 80mmol/L - Mg 2+ 4mmol/L - Hexokinase(HK) ≥1500U/L Glucose -6- phosphate dehydrogenase ≥1500U/L	Hộp R:20ml×8	6
14	Hóa chất xét nghiệm Albumin	<b>Thành phần thuốc thử R1</b> • Bromocresol green: 0,21 mmol/l • Đệm Succinate: 100 mmol/l	Hộp 5 x 50 ml	1

		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sodium Azide: 0,5 g/l</li> </ul> Thuốc thử chưa mở nắp sẽ ổn định cho đến ngày hết hạn ghi trên nhãn lọ và nhãn hộp khi được bảo quản ở 2–8°C.		
15	Mẫu nội kiểm sinh hóa mức 2	Dạng đông khô để bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids.	Hộp 20 x 5ml	1
16	Mẫu nội kiểm sinh hóa mức 3	Dạng đông khô để bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp tối thiểu 7 ngày 2-8 oC hoặc 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids.	Hộp 20 x 5ml	1
17	Que test sinh hóa nước tiểu	Tính năng kỹ thuật: Que thử nước tiểu Strip-10 (URS-10) Bạch cầu / Nitrit / Urobilinogen / Protein / pH / Máu / SG / Ketone / Bilirubin / Glucose	Hộp/100 que	1

Tên công ty:  
Địa chỉ; mã số thuế:  
Số điện thoại liên hệ:  
Số báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 2**  
**BIỂU MẪU BÁO GIÁ**  
**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện sức khỏe Tâm thần Bà Rịa - Vũng Tàu

Căn cứ Công văn chào giá số:....., của Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Bà Rịa Vũng Tàu  
Công ty..... báo giá thiết bị y tế như sau:

STT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Năm SX	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá (đồng) đã bao gồm thuế VAT	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1														
2														
Tổng cộng: .... khoản														

\* Ghi chú:

....., ngày tháng năm 2026  
**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ**

- Giá hàng hoá bao gồm tất cả các chi phí liên quan như: Giá bán, thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có), chi phí vận chuyển đến bệnh viện
- Báo giá có hiệu lực ..... ngày kể từ ngày nhận được báo giá
- Chúng tôi cam kết: Không đang trong quá trình thực hiện giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác
- Giá trị của thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về luật cạnh tranh, bán phá giá.